

Số: 01/2019/VNR-BKS

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông TCT CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
Hội đồng Quản trị TCT CP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam**

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 19/04/2018 của VINARE;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của VINARE.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2017, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và các cuộc họp HĐQT trong năm.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của VINARE theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

I. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018

Hoạt động kinh doanh của VINARE năm 2018 đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2018 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	So sánh 2018/2017	Kế hoạch 2018	So sánh TH/ KH 2018
Doanh thu phí nhận	1,802,718	1,651,472	109.2%	1,770,000	101.9%

Phí giữ lại	784,741	586,893	133.7%	677,000	115.9%
Lợi nhuận trước thuế	315,680	285,290	110.7%	308,000	102.5%
- <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	5,378	(1,559)		<i>Không xác định</i>	
- <i>Lợi nhuận không bao gồm CLTG</i>	310,302	286,849	108.2%	308,000	100.8%

2. Một số chỉ tiêu của hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017	% thay đổi
1	Tổng tài sản	6,456,010	6,313,778	102.3%
2	Vốn chủ sở hữu	2,812,198	2,585,248	108.8%
3	Dự phòng nghiệp vụ (theo TNGL)	1,072,015	909,839	117.8%
3	Dự phòng phí	370,844	268,805	137.9%
3	Dự phòng bồi thường	510,283	447,189	114.0%
3	Dự phòng dao động lớn	190,888	193,845	98.5%
4	Doanh thu			
4	Doanh thu phí nhận tái	1,802,718	1,651,472	109.2%
4	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	946,349	818,767	115.6%
4	Doanh thu tài chính	331,792	289,477	114.6%
4	Thu khác	23,469	14,231	164.9%
5	Chi phí			
5	Chi bồi thường	789,549	912,490	86.5%
	Trong đó: Chi bồi thường thuộc TNGL	326,952	301,976	108.3%
5	Chi phí quản lý và chi khác hoạt động KDBH	563,616	460,955	122.3%
5	Chi phí tài chính	92,900	68,102	136.4%
5	Chi phí khác	2,111	2,563	82.4%
6	Lợi nhuận			
6	Lợi nhuận gộp từ KDBH	135,089	121,608	111.1%
6	Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính	238,892	221,374	107.9%
6	Lợi nhuận từ hoạt động khác	21,358	11,668	183.0%
6	Lợi nhuận trước thuế	315,680	285,290	110.7%
7	Lợi nhuận sau thuế	261,454	233,853	111.8%

(Theo BCTC riêng đã kiểm toán)

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 tăng 2.3% so với 31/12/2017 đồng thời vốn chủ sở hữu tăng 8.8%.

- Chỉ tiêu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tăng 9.2% so với năm 2017, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và doanh thu tài chính đều tăng so với năm 2017.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 20.5% chủ yếu là do ảnh hưởng của việc tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí tài chính tăng mạnh so với 2017 (tăng 24.8 tỷ đồng) do:

+ Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 30.6 tỷ đồng so với 2017. Tuy nhiên, lãi chênh lệch tỷ giá cũng tăng lên tương ứng nên lãi/(lỗ) ròng từ chênh lệch tỷ giá năm 2018 là 3,9 tỷ đồng.

+ Tăng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư 3.1 tỷ đồng (năm 2018 trích lập dự phòng 1.2 tỷ đồng trong khi năm 2017 hoàn nhập dự phòng 1.9 tỷ đồng).

+ Chi phí hoạt động Swap ngoại tệ giảm 8.8 tỷ đồng. Các khoản chi khác giảm 0.1 tỷ đồng so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận gộp từ kinh doanh bảo hiểm đạt 135.1 tỷ đồng tăng 11.1% (tương đương 13.5 tỷ đồng) so với năm 2017;

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính và Lợi nhuận trước thuế đều tăng so với 2017.

2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quản lý chi phí

Năm 2018, Doanh thu phí đạt 1,802.7 tỷ VND, tăng 9.2% so với 2017, đạt 101.9% KH cả năm; Phí giữ lại đạt 784.7 tỷ VND, tăng 33.7% so với 2017 và đạt 116% KH cả năm trong đó, một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Doanh thu phí từ thị trường trong nước và từ các nghiệp vụ truyền thống tăng trưởng thấp, đặc biệt nghiệp vụ Kỹ thuật tăng trưởng âm.

- Tăng trưởng doanh thu phí chủ yếu đến từ các hợp đồng nhận từ nước ngoài và việc nhận TBH các sản phẩm liên kết.

- Phí giữ lại tăng mạnh chủ yếu từ việc nhận dịch vụ BH liên kết ngân hàng.

2.2. Hiệu quả kinh doanh theo nghiệp vụ và Bồi thường

Lợi nhuận thuần kinh doanh nghiệp vụ đạt 55.4 tỷ VND, tăng 6.1% so với cùng kỳ năm trước và bằng 102.7% so với kế hoạch

Lỗ gộp nghiệp vụ Tài sản (7 tỷ, chủ yếu do tổn thất từ hợp đồng nhận của Swiss Re với trách nhiệm giữ lại net của VINARE gần 30 tỷ) và Thân tàu (5.4 tỷ)

Combined ratio tăng lên 91.9% so với 90.2% năm 2017

Trong năm 2018, VINARE sử dụng net 3 tỷ đồng từ quỹ dự phòng dao động lớn để bù đắp cho nghiệp vụ.

Bồi thường thuộc TNGL tăng 8.6% (25.7 tỷ) so với năm 2017. Trích lập bổ sung DPBT gấp hơn 7 lần so với dự kiến trong kế hoạch, trong đó DPBT cho các tổn thất của nghiệp vụ Tài sản chiếm đến 50%. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Tổn thất Tài sản của hợp đồng nước ngoài nhận từ Swiss Re, trách nhiệm giữ lại của VINARE 1,250,000 USD và 3 vụ tổn thất lớn khác với tổng trách nhiệm giữ lại hơn 1 triệu USD

- Tổn thất cầu Vàm Cống (Kỹ thuật), trách nhiệm giữ lại của VINARE 234,881 USD

- Tồn thất hàng hóa trên tàu Peppino, tổng trách nhiệm giữ lại của VINARE 288,701 USD

- Các nghiệp vụ khác không có diễn biến bất thường so với năm trước

2.3. Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm

Tình hình công nợ kinh doanh Tái bảo hiểm tại 31/12/2018 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017	Tăng/Giảm
1	Công nợ phải thu	559,228	758,952	-26.3%
2	Công nợ phải trả	497,517	688,567	-27.7%
3	Net công nợ phải thu	61,711	70,385	-12.3%

Đánh giá tình hình công nợ 2018:

- Tổng công nợ phải thu net giảm 8.6 tỷ đồng tương ứng mức giảm 12.3% so với cùng thời điểm năm trước.

- Công nợ phải thu từ 2 năm trở lên đã giảm đáng kể.

2.4. Hoạt động đầu tư tài chính

• Cơ cấu danh mục đầu tư:

Đến 31/12/2018, tổng giá trị danh mục đầu tư của VINARE là 3,681.6 tỷ đồng, tăng 211 tỷ đồng so với đầu năm, cơ cấu danh mục đầu tư có thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi (từ 62.8% lên 66.9%), giảm góp vốn (từ 18.9% xuống 17.6%) và giảm tỷ trọng trái phiếu (từ 7.8% xuống 6%).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 1/1/2018	Phân bổ đầu tư 31/12/2018	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2,180,000	2,463,000	+283,000	66.9%
2	Trái phiếu	270,000	220,000	-50,000	6.0%
3	Góp vốn DN khác	655,445	647,366	-8,079	17.6%
4	Đầu tư CK, CCQ, Ủy thác đầu tư	275,500	285,000	+9,500	7.7%
5	Văn phòng cho thuê	10,983	10,664	-319	0.3%
6	Đầu tư BĐS	13,304	13,304	0	0.4%
7	Tiền gửi không kỳ hạn	65,003	42,229	-22,774	1.1%
	Tổng cộng	3,470,235	3,681,563	+211,328	100.0%

• Hiệu quả hoạt động đầu tư chính:

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2018 là 260 tỷ đồng, tăng 27 tỷ so với năm 2017 tương ứng 11,7%, chủ yếu do:

+ Lãi trái phiếu năm 2018 đạt 20.9 tỷ, tăng 6.3 tỷ đồng.

+ Cổ tức góp vốn đạt 31.1 tỷ đồng, tăng 3.6 tỷ đồng

+ Lãi từ chứng khoán niêm yết, chứng chỉ quỹ mở, ủy thác đầu tư đạt 47.8 tỷ đồng, tăng 8.5 tỷ đồng.

- **Hoạt động đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác:**

Đối với các khoản đầu tư mua cổ phần tại các công ty, VNR chỉ đầu tư chi phối vào VNR Invest (sở hữu 63.88%). Hầu hết các doanh nghiệp VNR có vốn góp đều có kết quả kinh doanh có lãi trong năm tài chính 2018. Các khoản đầu tư của VNR đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Đối với 5 dự án bất động sản VNR Invest đang triển khai, các dự án đều kéo dài trong thời gian dài. Trong đó, đáng lưu ý: dự án Paragon Tower đã cơ bản giải quyết, thu hồi công nợ. Dự án 360 Giải phóng, VINARE invest đang quá trình đàm phán để thoái vốn, dự án 142 Định Công đang hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư.... Đề nghị VINARE chỉ đạo VINARE Invest khẩn trương hoàn tất phương án thoái vốn tại 360 giải phóng, thu hồi dứt điểm công nợ dự án Paragon và Việt San, thúc đẩy tiến trình thực hiện dự án 142 Định Công. Tiếp tục đánh giá hiệu quả các dự án để có giải pháp thích ứng và kịp thời, đảm bảo an toàn vốn đầu tư và hiệu quả sinh lời đối với các dự án.

II. Công tác chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành

1. Công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

VINARE chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước và các quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động ổn định của Tổng Công ty.

2. Phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành, các Phòng và Ban Kiểm soát

HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị của VINARE đều tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thực hiện giải trình cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban Kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

3. Tình hình thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán Nhà nước

HĐQT VINARE đã kịp thời thảo luận, đánh giá, ghi nhận các kết luận của KTNN và yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc các kết luận của KTNN, có giải pháp khắc phục các tồn tại hạn chế. Tổng Công ty đã thực hiện nghiêm túc các khuyến cáo, kết luận của KTNN cũng như chỉ đạo của HĐQT.

4. Đánh giá về Báo cáo rà soát mục tiêu 2015-2020

Việc VINARE thực hiện rà soát và đề xuất điều chỉnh mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015-2020 là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường nhằm định hướng cho hoạt động kinh doanh các năm tiếp theo của VINARE đảm bảo tính khả thi và có thể thực hiện được.

Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban Điều hành VINARE tiếp tục nghiên cứu và xây dựng định hướng phát triển VINARE cho giai đoạn 2021-2025 đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trên cơ sở bám sát tình hình thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng Công ty đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

3. Các mặt hoạt động khác

Thông nhất với báo cáo của Ban điều hành

III. Đánh giá kết quả

Căn cứ kết quả thẩm định trên báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018. Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Về hoạt động kinh doanh

Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 do ĐHĐCĐ giao.

Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.

- Về Quản trị điều hành

Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng.

Các vấn đề ra quyết định đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới ban điều hành và Ban kiểm soát.

Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT.

C. KHUYẾN NGHỊ

- VINARE cần nghiên cứu để đảm bảo số thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT theo Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

- Tập trung nguồn lực để tăng cường khai thác doanh thu nhận tái trên cơ sở vẫn đảm bảo nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro và tuân thủ kỷ luật khai thác.

- Rà soát chặt chẽ và đôn đốc việc thu hồi công nợ.

- Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý danh mục đầu tư

- Kết hợp với các nhà tái bảo hiểm có uy tín, tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, giúp các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước nhận thức đầy đủ về các loại rủi ro, nâng cao vị thế của Vina Re trên thị trường.

- Tăng cường các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực của chuyên gia tính toán.

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo thu hồi công nợ, đẩy nhanh tiến độ triển khai đối với các dự án của VINARE Invest, kịp thời ghi nhận doanh thu tại các dự án khi có đủ điều kiện ghi nhận theo quy định.

- Cuối năm tài chính, đánh giá khả năng thu hồi công nợ và trích lập dự phòng (nếu có).

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt nam trong năm 2018.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Trung Tính